

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT THIẾT BỊ Y TẾ TMS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT THIẾT BỊ Y TẾ TMS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TMS MEDICAL EQUIPMENT TRADING - MANUFACTURING INCORPORATION

Tên công ty viết tắt: TMS MEDICAL.,INC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0106892159

**3. Ngày thành lập:** 10/07/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

L31-TT3-232/234 Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1811     |
| 2.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1812     |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5229     |
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...;                                                                                                  | 4669     |
| 5.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Rau, quả tươi, đông lạnh hoặc được bảo quản, chế biến;<br>- Sữa, sản phẩm từ sữa và trứng;<br>- Thịt và sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, tươi, đông lạnh và chế biến;<br>- Hàng thuỷ sản tươi, đông lạnh và chế biến;<br>- Bánh, mứt, kẹo;<br>- Thực phẩm khác. : Thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung | 4722     |
| 6.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ dụng cụ y tế và đồ chỉnh hình;<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                             | 4772     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 7.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5610        |
| 8.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar);                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5630        |
| 9.  | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất màn phẫu thuật;<br>- Sản xuất máy làm sạch siêu âm trong phòng thí nghiệm;<br>- Sản xuất máy khử trùng trong phòng thí nghiệm, máy li tâm phòng thí nghiệm;<br>- Sản xuất mảng và đinh vít cho xương, ống tiêm, kim tiêm, ống thông đường tiêu, ống thông dò...<br>- Sản xuất răng, sống mũi...nhân tạo được làm từ thí nghiệm nha khoa;<br>- Sản xuất mắt thủy tinh;<br>- Sản xuất nhiệt kế y tế. | 3250        |
| 10. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3320        |
| 11. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như :<br>+ Thang máy, cầu thang tự động,<br>+ Các loại cửa tự động,<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.                                                                                                                                                                      | 4329        |
| 12. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán và ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4610        |
| 13. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4632        |
| 14. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>- Bán buôn dụng cụ y tế: bông, băng, gạc, dụng cụ cứu thương, kim tiêm...;<br>- Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: máy đo huyết áp, máy trợ thính...<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                             | 4649(Chính) |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4659        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 16. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8230                                                                |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                                                                                       | 8299                                                                |
| 18. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 9000                                                                |
| 19. | Hoạt động của các cơ sở thể thao<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động của các cơ sở tổ chức các sự kiện thể thao trong nhà hoặc ngoài trời (trong nhà hoặc ngoài trời có hoặc không có mái che, có hoặc không có chỗ ngồi cho khán giả);<br>- Tổ chức và điều hành các sự kiện thể thao chuyên nghiệp và nghiệp dư trong nhà và ngoài trời của các nhà tổ chức sở hữu các cơ sở đó; | 9311                                                                |
| 20. | Quảng cáo<br>(không bao gồm quảng cáo thuốc lá);                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7310                                                                |
| 21. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết:<br>Cho thuê máy móc, thiết bị y tế                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7730                                                                |
| 22. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7911                                                                |
| 23. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7912                                                                |
| 24. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7920                                                                |
| 25. | (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                              | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 19.800.000.000 VNĐ  
**Mệnh giá cổ phần:** 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ THỊ LUYỆN | Tập thể 361, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông | 594.000    | 5.940.000.000         | 30        | 013554744                                                                                   |         |
|     |              |                                                                                      | Tổng số           | 594.000    | 5.940.000.000         | 30        |                                                                                             |         |

|   |                        |                                                                                   |                   |         |               |    |           |  |
|---|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|---------------|----|-----------|--|
| 2 | DƯƠNG KIM NGÂN         | Số 86 Trần Phú, Tổ 4, Phường Quang Trung, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 198.000 | 1.980.000.000 | 10 | 168070939 |  |
|   |                        |                                                                                   | Tổng số           | 198.000 | 1.980.000.000 | 10 |           |  |
| 3 | HỒ ĐẮC QUÝ             | Số 724 Quang Trung, Tổ 2, Phường An Bình, Thị xã An Khê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông | 594.000 | 5.940.000.000 | 30 | 230601705 |  |
|   |                        |                                                                                   | Tổng số           | 594.000 | 5.940.000.000 | 30 |           |  |
| 4 | PHẠM NGUYỄN THÁI DƯƠNG | 64 Tân Mỹ, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông | 594.000 | 5.940.000.000 | 30 | 024529934 |  |
|   |                        |                                                                                   | Tổng số           | 594.000 | 5.940.000.000 | 30 |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: DƯƠNG KIM NGÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 09/05/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 168070939

Ngày cấp: 31/12/2002

Nơi cấp: Công an tỉnh Hà Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 86 Trần Phú, Tổ 4, Phường Quang Trung, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 86 Trần Phú, Tổ 4, Phường Quang Trung, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội